



Tuần 51 (14/12-18/12)

BSC WEEKLY REVIEW

***Canh mua nhịp biến động
ETFs và đáo hạn HĐTL***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh mua nhịp biến động ETFs và đáo hạn HĐTL*
2. PTKT VN-INDEX: *Hướng về ngưỡng 1050*
3. TIN VĨ MÔ: *ECB mở rộng chương thu mua tài sản*
4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU: *AST C32 CTD HVN*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *11/12 khuyến nghị có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính_7.70%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Khối ngoại mua bán ròng xen kẽ*
8. CẬP NHẬT i-INVEST: *Theme_Corona Avengers_8.5%*
9. CẬP NHẬT I-BROKER: *Express FRT 2020Q4*
10. PHỤ LỤC: *Dự báo ETFs VNM quý IV năm 2020 và VN30 quý I năm 2021*
10. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



CHIẾN THUẬT TUẦN: Canh mua nhịp biến động ETFs và đáo hạn HĐTL

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1045.96	2.40%
GTGD/phiên (tỷ VND)	10,575.83	3.99%
Khối ngoại (tỷ VND)	1109.38	
HNX-INDEX	162.32	6.45%
GTGD/phiên (tỷ VND)	912.90	-10.25%
Khối ngoại (tỷ VND)	11.62	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3668.10	-0.13%	0.04%	2.67%
EU (EURO STOXX)	3495.39	-0.76%	-1.24%	1.84%
China (SHCOMP)	3347.19	-0.77%	-2.83%	1.12%
Japan (NIKKEI)	26652.52	-0.39%	-0.37%	4.43%
Korea (KOSPI)	2770.06	0.86%	1.41%	11.07%
Singapore (STI)	2821.70	-0.12%	-0.64%	4.07%
Thailand (SET)	1482.67	0.25%	4.35%	10.54%
Phillipines (PCOMP)	7246.16	1.28%	0.72%	2.99%
Malaysia (KLCI)	1684.58	1.82%	3.87%	5.97%
Indonesia (JCI)	5938.33	0.08%	1.98%	8.79%
Vietnam (VNIndex)	1045.96	1.46%	2.40%	8.24%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2012	1008.10	-0.05%	9578.7	35431.6
VN30F2101	1007.60	-0.10%	75.0	960.8
VN30F2103	1007.00	-0.16%	6.8	351.6
VN30F2106	1008.00	-0.06%	6.4	209.2

TTCK VIỆT NAM

Dòng tiền tích cực, VN-Index đang thử thách ngưỡng cản 1,025 điểm.

VN-Index tiếp tục vượt 1,025 điểm và hướng tới 1,050 điểm với thanh khoản duy trì ở mức cao. Khối ngoại mua ròng và dòng tiền luân chuyển vào các cổ phiếu Ngân hàng lớn chưa tăng đáng kể như VCB, BID giúp VN-Index vượt đỉnh ngắn hạn 1,025 điểm. Độ rộng tăng điểm thị trường mở rộng khi có 230 cổ phiếu tăng so với 142 cổ phiếu giảm. Dòng tiền vận động rõ rệt theo ngành tập trung vào nhóm cổ phiếu Chứng khoán và một số nhóm cổ phiếu nhỏ khác. Xu hướng tăng điểm tiếp tục mở rộng vượt 1,050 điểm, dù vậy hoạt động cơ cấu ngắn hạn từ ETFs và đáo hạn HĐTL tuần tới có gây biến động rung lắc nhiều hơn trên nền giá cao mới.

Ngày 12/12, MVIS công bố danh mục điều chỉnh của ETF Vaneck, kết quả tương đồng với nhận định của chúng tôi khi quỹ giữ nguyên danh mục cổ phiếu Việt Nam. Tuy nhiên do quỹ bổ sung 1 cổ phiếu Đài Loan nên tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam giảm từ 64.38% xuống 64.26%. Danh mục Việt Nam do vậy sẽ bị bán ròng khoảng 10.5 triệu USD. (Chi tiết trang xx)
Theo dữ liệu chốt ngày 9/12, BSC dự báo danh mục VN30 có những thay đổi như sau: (1) Thêm mới: BVH (0.6%), TPB (1.8%) và PDR (0.9%); Loại bỏ: SAB, EIB và ROS. Dữ liệu chính thức chốt ngày 31/12. Thay đổi mới công bố vào 18/1 và có hiệu lực từ 1/2/2021. (Chi tiết trang 14)

TTCK THẾ GIỚI

ECB công bố gói kích thích mới, các chỉ số CK chủ chốt giao dịch giằng co trước bất đồng về gói hỗ trợ Hoa Kỳ.

ECB tăng 33% quy mô chương trình mua trái phiếu khẩn cấp lên 3.6 nghìn tỷ USD và thời gian thực hiện thêm 9 tháng (cho tới tháng 3/2022). ECB giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức -0.5% và cung thêm các gói cho vay siêu rẻ cho các ngân hàng. Diễn biến các TTCK chủ chốt dù vậy giao dịch giằng co cùng với xu hướng CK Hoa Kỳ do gói kích thích tài khóa bổ sung gặp phải bất đồng giữa 2 Đảng. Chỉ số hàng hóa tăng 0.5% tuy nhiên các kim loại cơ bản đều tăng dẫn đầu là giá thép HRC tăng 4.5%.

Các chỉ số CK Hoa Kỳ vẫn giữ tại vùng đỉnh và thông tin về gói khóa bổ sung vẫn đang là thông tin dẫn dắt thị trường trong ngắn hạn. Ngoài ra thông tin vắc-xin và quá trình chuyển giao quyền lực cũng là các yếu tố tạo biến động trên thị trường. Dù vậy xu hướng tăng điểm của TTCK vẫn duy trì khi các chính sách nới lỏng sớm muộn cũng phải triển khai để vực dậy các nền kinh tế chủ chốt.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: Hướng về ngưỡng 1050

Đồ thị tuần: VNIndex có tuần thứ sáu liên tiếp tăng điểm qua đó vượt qua vùng cản tại 1025 điểm. Chỉ số có khuynh hướng tiến về khu vực kháng cự tiếp theo tại vùng điểm quanh 1050. ADX tăng về quanh giá trị 21.5 đồng thời các chỉ báo kỹ thuật đang có trạng thái tích cực, trong khi đó, khối lượng giao dịch không chênh lệch nhiều so với tuần trước. Đường MACD vẫn đang duy trì trên đường tín hiệu và khoảng cách đang có chiều hướng mở rộng. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số trong trung hạn là tại khu vực 920-925 điểm, tương ứng với giá trị hiện tại của SMA20.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo động lượng RSI ở trong vùng quá mua.
- Thanh khoản thị trường duy trì cao hơn khối lượng trung bình 20 phiên nhưng sụt giảm vào phiên tăng điểm cuối tuần.

Nhận định: VNIndex duy trì trạng thái tăng trung hạn và đã vượt qua vùng cản dài hạn nên sẽ hướng đến chinh phục trở lại các vùng cao điểm của năm 2018. Bên cạnh đó, việc thanh khoản vẫn đang có giá trị ổn định cho thấy các thành viên tham gia thị trường tiếp tục hoạt động giao dịch tích cực. Theo đánh giá hiện tại thì VNIndex trong tuần sau nhiều khả năng sẽ tiến tới khu vực quanh 1050 và áp lực chốt lời mạnh có thể xảy ra tại ngưỡng này. Mặt khác, việc giá dầu tiếp tục tăng có thể ảnh hưởng tích cực đến vận động của các cổ phiếu thuộc nhóm dầu khí trong thời gian tới.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *ECB mở rộng chương thu mua tài sản*

VIỆT NAM:

- Nhu cầu vốn cho kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Hà Nội dự kiến vào khoảng 482,780 tỷ đồng. Mục tiêu GRDP đầu người đạt 8,300-8,500 USD, GRDP tăng 7.5-8%. Dự kiến tổng thu ngân sách khoảng 1,4 triệu tỷ đồng. Tổng chi ngân khoảng 613.7 nghìn tỷ đồng, phần đầu đến năm 2025, chi thường xuyên ở mức khoảng 50% tổng chi ngân sách. tổng vốn đầu tư xã hội cần huy động khoảng 3.1-3.2 triệu tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư khu vực nhà nước khoảng 30-31%, vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước khoảng 53-54% và vốn đầu tư nước ngoài khoảng 15-17%.
- TP HCM dự kiến hỗ trợ gói tín dụng 4,000 tỷ đồng, lãi suất 0% dành cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trong các nhóm ngành: dịch vụ như lưu trú, ăn uống, du lịch, vận tải; ngành công nghiệp như dệt may, giày da, trang phục, chế biến gỗ, chế biến lương thực thực phẩm, xây dựng và doanh nghiệp có doanh thu sụt giảm lớn. Cùng với đó, thành phố sẽ tiếp tục cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn giảm lãi, phí... giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch bệnh.
- Theo đại diện Bộ Y tế, nếu thuận lợi, phải đến quý II/2022, Việt Nam mới có thể cung ứng rộng rãi vaccine Covid-19, do đó, vẫn phải triển khai quyết liệt, thực hiện nghiêm tất cả các biện pháp phòng, chống dịch.

THẾ GIỚI:

- ECB mở rộng chương thu mua tài sản (Pandemic Emergency Purchase Programme - PEPP) thêm 500 tỷ EUR lên 1,850 tỷ EUR. Triển vọng ngắn hạn giảm, GDP dự kiến chỉ tăng 3.9% cho năm 2021, so với 5.0% tại dự báo hồi tháng 9. Triển vọng dài hạn tăng, GDP dự kiến sẽ tăng 4.2% cho năm 2020, so với 3.2% tại dự báo hồi tháng 9. Lạm phát năm 2021 và 2022 dự báo đạt 1.1%. Đối với năm 2023, GDP và lạm phát dự báo lần lượt đạt mức 2.1% và 1.4%.
- Johnson & Johnson cho biết khả năng đạt được thử nghiệm vaccine Covid-19 vào tháng 1/2021. Pfizer Inc tiến bước trên cuộc đua vaccine sau khi các cơ quan quản lý công bố tài liệu cho thấy không có vấn đề về độ an toàn hoặc hiệu quả đối với vaccine của Pfizer.
- Chính quyền Donald Trump đưa ra gói hỗ trợ 916 tỷ USD bao gồm tăng ngân sách cho chính quyền địa phương, cũng như bảo vệ các công ty về các vụ kiện tụng liên quan tới Covid-19.
- Thặng dư thương mại Trung Quốc nói rộng lên 75.42 tỷ USD trong tháng 11, so với 31.18 tỷ USD cùng kỳ 2019. Xuất khẩu tăng 21.1% YoY lên 268.07 tỷ USD trong tháng 11. Nhập khẩu tăng 4.5% YoY lên 192.65 tỷ USD trong tháng 11. Tính tới cuối tháng 11, thặng dư thương mại đạt 459.92 tỷ USD, với xuất khẩu tăng 2.5% YoY, nhập khẩu giảm -1.6% YoY.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền dồi dào, vận động luân chuyển dòng cổ phiếu tiếp tục hỗ trợ đà tăng chỉ số.
- HDTL tương lai đáo hạn 17/12 và 2 ETFs tập trung giao dịch trong phiên 18/12.
- Ngày 14/12, Sản xuất công nghiệp EU. 15/12, Chỉ số sản xuất công nghiệp, Doanh thu bán lẻ, Thất nghiệp Trung Quốc; Biên bản chính sách tiền tệ Australia. 16/12, Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ EU, Anh, Hoa Kỳ; Doanh thu bán lẻ và Dự trữ dầu thô của Hoa Kỳ. 17/12, Biên bản FOMC và dự báo tăng trưởng, lạm phát của FED; Biên bản chính sách tiền tệ Anh. 18/12, Biên bản chính sách tiền tệ Nhật.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

AST

55.8

Upside 14.70%

Xu hướng hiện tại

Hồi phục

Khuyến nghị kỹ thuật

Tích cực

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco

Giá mục tiêu64

Giá cắt lỗ52.25

Kháng cự57

Hỗ trợ54.25

MACD↑

RSI↑

Moving Average↑

Thanh khoản↔



Nguồn: BSC Research

C32

25

Upside 8.00%

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị kỹ thuật

Tích cực

CTCP CIC39

Giá mục tiêu27

Giá cắt lỗ23.5

Kháng cự25.5

Hỗ trợ24.25

MACD↑

RSI↑

Moving Average↑

Thanh khoản↑



Nguồn: BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

CTD

70.5

Upside 23.40%

CTCP Xây dựng
COTECCONS

Xu hướng hiện tại

Hồi phục

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu

87

Giá cắt lỗ

66.75

Kháng cự

74.5

Hỗ trợ

70.25

MACD

↑

RSI

↓

Moving Average

↑

Thanh khoản

↔



Nguồn: BSC Research

HVN

27.45

Upside 11.11%

Tổng Công ty Hàng
không Việt Nam

Xu hướng hiện tại

Tích lũy

Khuyến nghị
kỹ thuật

Tích cực

Giá mục tiêu

30.5

Giá cắt lỗ

26.5

Kháng cự

28

Hỗ trợ

27

MACD

↑

RSI

↑

Moving Average

↑

Thanh khoản

↔



Nguồn: BSC Research



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/12/20	AAV	9.3	10.4	8.25	9.6	5	3.23%	Có thể tiếp tục mua
6/12/20	PPC	23.85	26	23.45	24.3	5	1.89%	Có thể tiếp tục mua
29/11/20	LHG	32.3	39	29	32.6	12	0.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/11/20	SZL	53.3	59	50	53.2	12	-0.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
22/11/20	AAA	12.3	13.5	11.75	12.95	19	5.28%	Có thể tiếp tục mua
8/11/20	ANV	20.36	24.37	18.41	22.1	33	8.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/11/20	VIC	106.5	125	99.5	106.8	40	0.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
25/10/20	PNJ	68	81	61.75	77.4	47	13.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/10/20	VTP	108.8	120	99	109.1	61	0.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/9/20	MWG	99.11	120.8	89.75	114.3	75	15.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/9/20	LDG	6.59	8	6	6.8	89	3.19%	Có thể tiếp tục mua
16/8/20	CTI	12.41	14.76	11.08	14	117	12.81%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
29/11/20	BCG	8.36	9	7.9	TP	9	7.66%
29/11/20	BWE	29	33	27.75	TP	2	13.79%
22/11/20	CTS	8.58	10.5	8	TP	18	22.38%
22/11/20	ELC	7.36	8	6.75	SL	9	-8.29%
22/11/20	TDM	25	27	24	TP	2	8.00%
15/11/20	DBD	45.7	49	44	SL	16	-3.72%
15/11/20	GAS	73.5	79	72.25	TP	3	7.48%
8/11/20	VJC	105.7	115.25	103.5	TP	12	9.04%
1/11/20	SIP	89.6	105	80.5	TP	5	17.19%
25/10/20	BVH	55.5	65.5	49	SL	4	-11.71%
25/10/20	DPG	27.1	30	24.5	TP	25	10.70%
25/10/20	PVS	13.9	17	13	SL	4	-6.47%
18/10/20	POW	10.3	11	9.75	SL	10	-5.34%
18/10/20	VRE	27.5	29	26.5	TP	8	5.45%
11/10/20	NTL	18.6	22	17	SL	17	-8.60%

Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

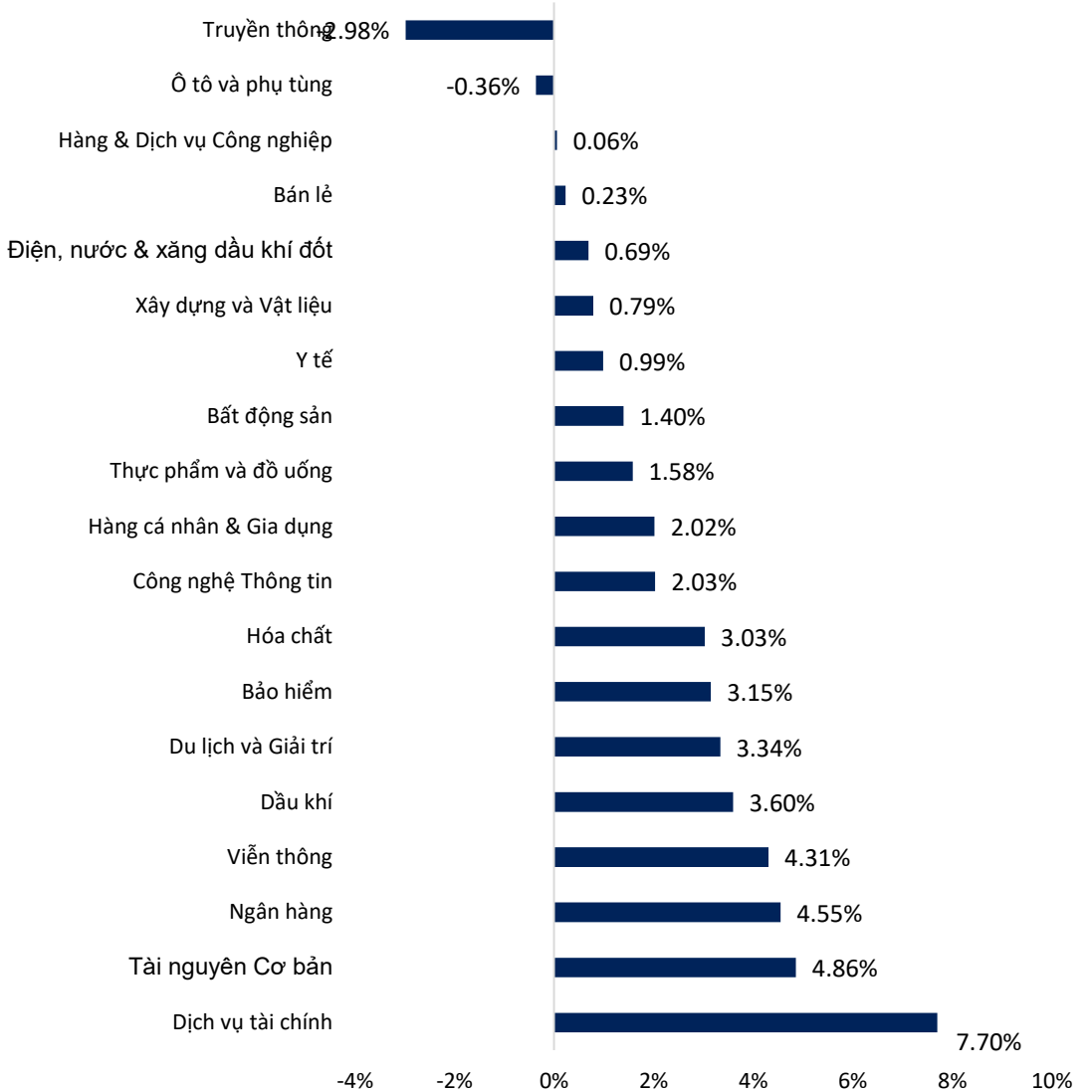
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	11	1	5.96%	-0.19%	5.45%	43
Đã chốt	55	41	13.34%	-8.55%	3.99%	28



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Truyền thông	-0.84%	-2.98%	-0.29%	YEG	-5.70%	FOC	0.19%
Ô tô và phụ tùng	0.32%	-0.36%	3.30%	VEA	1.39%		
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.44%	0.06%	6.86%	GDM	7.99%	VSC	1.92%
Bán lẻ	0.49%	0.23%	6.54%	MWG	0.35%	PNJ	-0.64%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.80%	0.69%	14.80%	REE	1.06%	POW	0.87%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	46.64	-0.30%	0.82%	11.93%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	50.02	-0.46%	1.56%	13.48%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	130.82	-0.64%	3.13%	10.06%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,837.31	0.04%	-0.08%	-1.52%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.93	-0.32%	-1.07%	-1.45%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,158.50	-0.02%	-0.56%	1.27%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	593.25	-0.54%	3.08%	-3.73%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.79	0.00%	2.87%	-20.29%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	229.90	-1.42%	-9.88%		SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	14.59	-0.48%	1.04%	-0.61%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	122.10	0.87%	3.87%	11.00%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	7,878.00	2.01%	2.65%	13.65%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,108.00	1.66%	8.56%	12.39%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,060.00	1.23%	1.58%	7.97%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	998.00	5.27%	13.86%	31.58%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	79.60	2.84%	7.86%	28.18%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	671.59	1.06%	8.02%	18.23%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	+4.21%	2.034
VIC	+1.81%	1.76
VHM	+1.67%	1.28
SAB	+3.33%	1.16
HPG	+3.19%	1.09
GVR	+4.76%	1.04
GAS	+2.01%	0.89
CTG	+2.21%	0.76
PLX	+2.71%	0.50
VJC	+2.00%	0.355
Tổng		10.86

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
LGC	-6.91%	-0.232
BCM	-1.71%	-0.198
BHN	-1.89%	-0.089
APH	-1.12%	-0.036
EIB	-0.58%	-0.034
PME	-2.01%	-0.033
SVC	-4.10%	-0.027
DAT	-5.92%	-0.025
PAN	-1.76%	-0.024
TMP	-2.77%	-0.023
Tổng		-0.721

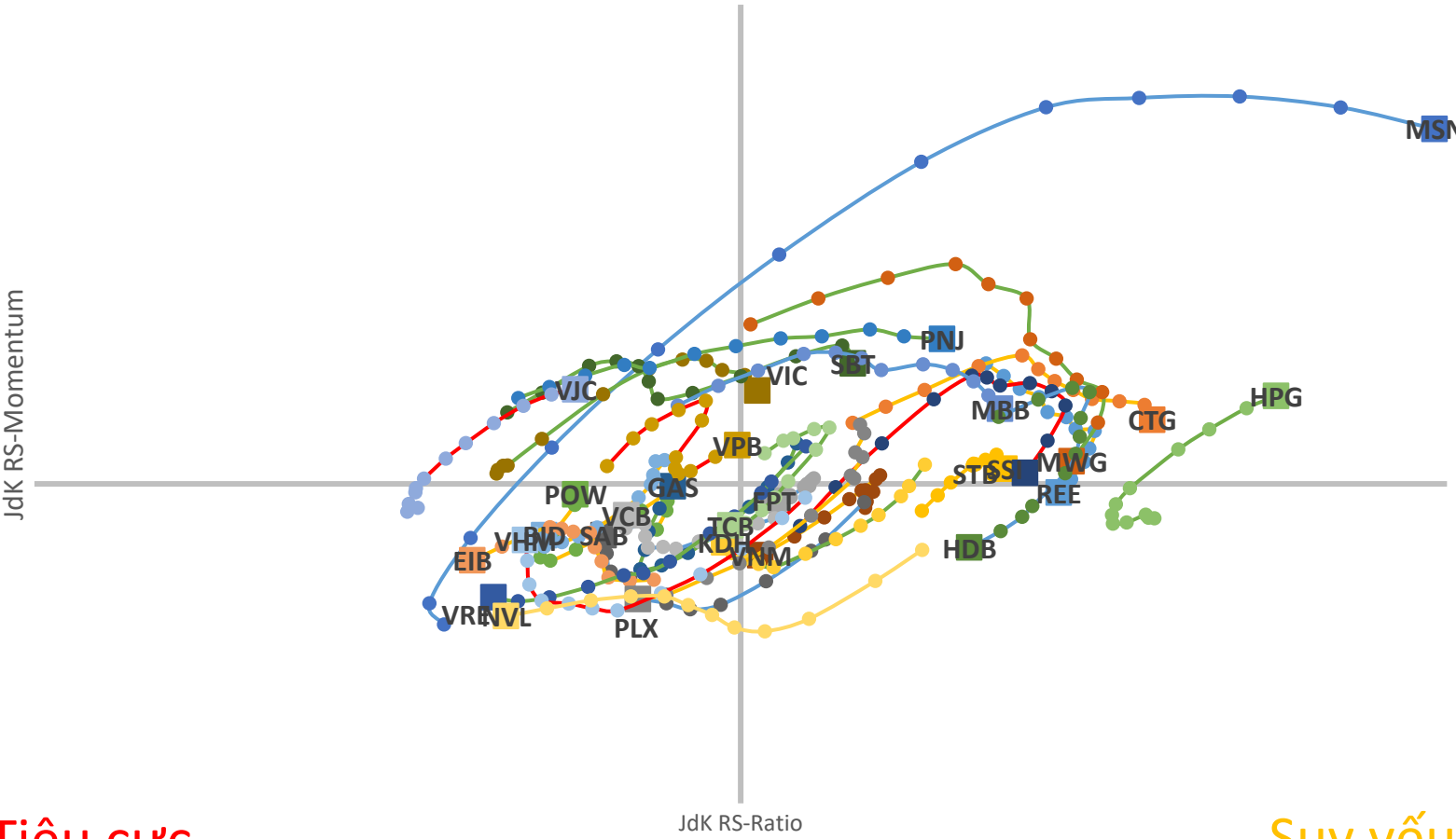
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
FUEVFN	445.24	
HPG	442.18	33.22
PME	382.59	70.06
VCB	176.45	23.68
VJC	139.05	18.62
VNM	125.11	58.09
GAS	118.95	3.11
VHM	45.94	21.97
PLX	42.18	15.75
HSG	40.98	12.17
Tổng	1,958.67	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
GMD	-559.84	45.96
GEX	-83.56	13.48
PAN	-81.95	41.45
DRC	-54.33	17.89
CTG	-50.30	28.95
VRE	-45.16	30.93
VSC	-38.48	28.59
POW	-32.79	8.98
VCI	-27.68	26.17
NVL	-26.82	5.46
Tổng	-1000.90	

Hồi phục

Ma trận tương quan cổ phiếu thuộc VN30 vs. VN-Index

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	13.93	58.47	266.55
Giá trị bán	5.68	46.86	303.66
Mua / bán ròng	8.25	11.60	-37.08
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	471.79	2,327.02	9,306.86
Giá trị bán	438.97	2,063.39	9,935.01
Mua / bán ròng	32.81	263.63	-628.14
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
TCB	172.44	FUEVFN30	-451.96
MWG	138.59	HPG	-272.09
MBB	132.64	VJC	-85.43
FPT	97.94	BCM	-22.23
VPB	84.55	PLX	-11.82
PNJ	76.73	DIG	-11.26
VNM	54.65	VRE	-10.89
VIC	45.29	VCB	-10.49
VHM	41.30	FUEMAV30	-8.27
GMD	40.27	CEE	-8.09

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	425.86	16.51	0.10	0.99%	1.64	1.60	-1.54
FTSE	291.32	33.51	0.00	-1.12%	4.48	11.16	13.72
iShare	408.86	28.10	0.00	-0.82%	0.00	0.00	0.00
E1VFN30	297.45	0.72	0.10	0.49%	-2.9	1.6	0.5
FUEVFN30	163.08	0.67	0.20	1.30%	8.5	42.6	54.4
FUESSVFL	40.61	0.53	0.00	-0.94%	-2.7	-3.7	-1.9
FUESSVN30	2.62	0.53	0.00	0.44%	0.0	0.0	-0.4
VN100	3.32	0.55	0.00	1.66%	0.0	0.1	0.4
KIM	197.23	12.64	0.00	-0.37%	0.00	-4.85	
PREMIA	24.29	10.56	0.00	-0.19%	0.00	0.41	-1.73

Nhận định: Khối ngoại mua bán ròng xen kẽ dù vậy vẫn bán ròng tổng thể ngược chiều với hoạt động mua ròng ở hầu hết các nước trong khu vực. Các ETF FTSE, E1 và ETF Diamond tăng quy mô.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



CẬP NHẬT i-INVEST

* Danh mục đáng chú ý trong tuần: Theme_Corona Avengers_8.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
Corona Avengers	2.0%	8.5%	10.7%	28.6%	50.1%	44.7%	32.3%
Đầu tư công	2.5%	5.3%	7.5%	23.8%	54.6%	45.8%	24.4%
EVFTA	1.1%	4.9%	7.1%	22.8%	24.1%	24.1%	18.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.4%	4.6%	6.4%	25.1%	47.2%	38.2%	29.2%
VN FinSelect	1.2%	3.3%	5.2%	17.1%	32.5%	18.2%	28.3%
FTSE Việt Nam	1.5%	3.1%	4.7%	14.4%	25.0%	11.6%	23.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.4%	3.1%	5.7%	17.4%	33.7%	18.9%	29.8%
Ngân Hàng	1.6%	2.9%	6.9%	23.3%	49.0%	36.1%	31.5%
Dầu khí	1.9%	2.9%	6.1%	12.6%	26.6%	-3.2%	36.7%
VN Diamond	1.4%	2.7%	3.5%	16.1%	33.6%	9.9%	29.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.7%	2.4%	3.8%	21.7%	40.6%	12.9%	30.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	2.4%	2.7%	13.0%	30.3%	14.3%	26.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.5%	2.3%	3.9%	20.9%	41.2%	25.5%	25.9%
Vật liệu Xây dựng	1.2%	2.3%	-0.2%	28.2%	53.7%	50.2%	27.7%
Xây dựng	0.8%	2.2%	2.9%	19.9%	47.0%	35.9%	28.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.6%	2.2%	4.5%	17.0%	27.8%	10.6%	23.8%
Lãi suất giảm	1.6%	2.2%	4.8%	27.7%	57.4%	52.6%	30.9%
Cổ phiếu ngành Dược	1.2%	2.2%	4.5%	10.3%	26.0%	15.4%	20.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.3%	1.9%	3.2%	19.8%	41.0%	19.3%	28.1%
Hàng tiêu dùng	1.3%	1.7%	2.0%	22.1%	44.4%	32.5%	27.7%
Chiến tranh thương mại	1.2%	1.6%	5.9%	25.7%	54.5%	33.7%	29.2%
Stay-at-home	0.5%	1.1%	0.6%	16.0%	40.3%	46.8%	31.5%
Nước & Năng lượng	1.2%	0.8%	2.0%	10.6%	28.3%	15.4%	24.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	0.2%	3.3%	16.2%	33.9%	18.4%	23.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.7%	-0.3%	1.2%	8.5%	29.1%	31.9%	20.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.3%	-0.7%	3.6%	22.8%	47.9%	49.0%	27.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Mục tiêu	9/2 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
S21	1.4%	3.5%	4.4%	21.0%	46.4%	26.5%	26.3%
S11	1.6%	3.3%	4.1%	22.3%	43.6%	42.6%	24.5%
L32	2.7%	3.0%	5.3%	27.0%	45.6%	17.5%	29.5%
M12	1.7%	2.9%	3.5%	17.8%	31.8%	17.5%	24.3%
M22	1.0%	2.7%	3.1%	17.7%	34.0%	26.9%	24.6%
L11	0.3%	2.0%	2.9%	11.5%	28.7%	14.2%	23.0%
L22	0.7%	1.8%	2.0%	15.6%	38.1%	17.2%	26.3%
S32	1.7%	1.7%	-0.1%	25.7%	46.6%	18.8%	32.0%
M31	1.4%	0.8%	-0.6%	20.9%	43.6%	24.7%	28.9%
Khẩu vị Rủi ro	3/0 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.7%	2.1%	1.9%	16.8%	40.3%	35.4%	24.2%
HIGH3	1.7%	1.5%	2.9%	16.6%	34.9%	17.1%	27.1%
LOW1	0.8%	1.3%	2.5%	13.0%	26.0%	13.0%	24.2%
INDEX							
VNINDEX	1.5%	2.4%	4.3%	15.5%	26.8%	8.8%	23.1%
VN30INDEX	1.4%	2.5%	4.4%	17.5%	30.9%	14.7%	24.4%

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	10	16	12	14	13	13
Mục tiêu	9	4	5	5	4	2	7
Rủi ro	3	1	2	0	3	0	3



CẬP NHẬT i-BROKER

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FRT 2020Q4	18/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 22200 Dự báo KQKD: Quý 4 năm 2020: không thấy hồi phục trong năm 2020. Dự kiến Q4.2020 tình hình giống 9T.2020. Năm 2021: (1) Doanh thu: Laptop có thể tiếp tục tăng nhưng mảng Điện thoại hồi phục chậm. Long Châu tăng gấp đôi doanh thu nhờ tiếp tục mở cửa hàng. (2) Biên gộp dự kiến tăng lên 15% từ mức 14% do (i) tiết kiệm chi phí thuê mặt bằng (ii) doanh thu mỗi nhân viên tăng.
Express TCM 2020Q4	17/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 28700 Cập nhật KQKD: Triển vọng ngành Dệt may trong 2021: (1) Các khách hàng sẽ dịch chuyển từ vendor nhỏ sang vendor lớn, ngành dệt may phục hồi chậm, không nhanh. (2) Đối với TCM, công ty đã nhận đơn hàng đến Q1.2021. (3) Về mặt hàng mặt nạ và đồ bảo hộ (mask and gown): Tháng 11 và tháng 12 chưa có đơn hàng bảo hộ. Do thời gian giao hàng rất nhanh (2 tuần) nên sẽ phụ thuộc vào tình trạng Covid ở Mỹ. Công ty kỳ vọng Q4 vẫn có đơn hàng về đồ bảo hộ.
Express DGC 2020Q4	13/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 55000; Giá tại Publish 46700 Cập nhật KQKD: Thông tin về HPO Điện tử: phục vụ trước vào khách hàng Hàn Quốc (có nhu cầu: 50,000 tấn, còn nhu cầu nhập từ Việt Nam là 35,000 tấn nếu đáp ứng được tiêu chuẩn). Chủ yếu áp dụng cho nhu cầu màn hình LCD. Thông tin về P2O5: hướng tới thị trường Mỹ, EU do (i) nhu cầu cao và hưởng lợi từ chiến tranh thương mại (áp thuế đối với P2O5 từ Trung Quốc). Thông tin về PCL3 (tập trung vào pha III của dự án Nghi Sơn): chi phí sản xuất sẽ rẻ hơn do công ty lúc đó làm chủ được nguồn HCL (bây giờ phải mua HCL từ CSV hoặc HVT)
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 18600; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x.
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 79390; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Room tư vấn Skype

Room tư vấn Zalo



Phụ lục: Dự báo ETFs VNM quý IV năm 2020

Ngày 12/12, MVIS công bố danh mục điều chỉnh của ETF Vaneck, theo đó:

- Quỹ giữ nguyên danh mục cổ phiếu Việt Nam.
- Quỹ bổ sung thêm 1 cổ phiếu Đài Loan, nâng tổng số phiếu nước lên 11 cổ phiếu. Do vậy, Tỷ trọng danh mục Việt Nam giảm nhẹ từ 64.38% xuống 64.26%. Danh mục Việt Nam do vậy sẽ bị bán ròng khoảng 10.5 triệu USD.
- Quỹ giao dịch từ 14 – 18/12.
- Những thay đổi này tương đồng với dự báo của chúng tôi. Điểm khác biệt là tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam giảm do quỹ bổ sung thêm 1 cổ phiếu nước ngoài.

Danh mục 2 ETF dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL
1	APH	3,852,437	-	983,647	-	983,647
2	BVH	-	(854,433)	-	(359,375)	(359,375)
3	GEX	(208,487)	(366,017)	(235,840)	(414,038)	(649,878)
4	HPG	(2,491,029)	(5,143,482)	(1,623,239)	(3,351,667)	(4,974,906)
5	KBC	35,008	-	51,094	-	51,094
6	MSN	(1,742,889)	1,933,949	(491,686)	545,586	53,900
7	NVL	(312,499)	617,218	(119,291)	235,612	116,321
8	PLX	(73,892)	-	(33,648)	-	(33,648)
9	POW	(223,136)	(202,388)	(511,069)	(463,549)	(974,618)
10	PVD	(25,229)	-	(45,068)	-	(45,068)
11	SBT	(6,118)	(699,366)	(7,841)	(896,312)	(904,153)
12	SSI	(832,904)	157,250	(1,000,912)	188,970	(811,943)
13	STB	(346,597)	-	(547,292)	-	(547,292)
14	TCH	(153,661)	(810,588)	(182,289)	(961,607)	(1,143,897)
15	VCB	(934,693)	699,514	(232,497)	173,998	(58,499)
16	VHM	2,646,286	617,218	741,120	172,858	913,979
17	VIC	553,395	(2,263,132)	123,212	(503,879)	(380,667)
18	VJC	(781,785)	(2,615,987)	(153,915)	(515,027)	(668,942)
19	VNM	2,370,174	781,809	506,740	167,150	673,889
20	VRE	(1,351,604)	(2,386,576)	(1,108,747)	(1,957,754)	(3,066,501)

Phụ lục: Dự báo ETFs VNM quý IV năm 2020 và VN30 kỳ I năm 2021

Theo dữ liệu chốt ngày 9/12, BSC dự báo danh mục VN30 có những thay đổi như sau:

- Thêm mới: BVH (0.6%), TPB (1.8%) và PDR (0.9%)
- Loại bỏ: SAB (do Khối lượng giao dịch khớp lệnh 90.5 nghìn cổ phiếu < yêu cầu 100 nghìn cổ phiếu; EIB (do Giá trị giao dịch khớp lệnh 3.66 tỷ VN < yêu cầu 9 tỷ VND) và ROS (Có thứ hạng thấp hơn 40, vốn hóa thấp được thay thế bởi cổ phiếu mới)
- Dữ liệu chính thức chốt ngày 31/12. Thay đổi mới công bố vào 18/1 và có hiệu lực từ 1/2/2021.

Danh mục quỹ ETF E1VFN30 dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Chênh lệch	CP thay đổi	Ghi chú
1	BID	0.90%	0.90%	0.00%	-25,625	
2	BVH	0.60%	0.00%	0.60%	657,676	Thêm mới
3	CTG	3.30%	3.30%	0.00%	-55,093	
4	FPT	4.60%	4.50%	0.00%	26,629	
5	GAS	1.00%	1.00%	0.00%	-2,837	
6	HDB	3.20%	3.20%	0.00%	28,780	
7	HPG	8.80%	8.80%	0.00%	-62,712	
8	KDH	1.30%	1.30%	0.00%	43,803	
9	MBB	4.50%	4.50%	0.00%	1,260	
10	MSN	4.40%	4.40%	0.00%	34,402	
11	MWG	4.30%	4.30%	0.00%	26,242	
12	NVL	2.80%	2.80%	0.00%	52,202	
13	PDR	0.90%	0.00%	0.90%	1,403,979	Thêm mới
14	PLX	0.90%	0.90%	0.00%	-8,539	
15	PNJ	1.70%	1.80%	-0.10%	-67,944	
16	POW	0.70%	0.70%	0.00%	-5,304	
17	REE	0.80%	0.80%	0.00%	8,115	

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng hiện tại	Chênh lệch	CP thay đổi	Ghi chú
18	SBT	0.60%	0.60%	0.00%	18,993	
19	SSI	1.10%	1.10%	0.00%	-37,479	
20	STB	3.40%	3.40%	0.00%	-60,724	
21	TCB	8.00%	7.90%	0.00%	128,696	
22	TCH	0.50%	0.50%	0.00%	2,514	
23	TPB	1.80%	0.00%	1.80%	5,484,099	Thêm mới
24	VCB	5.10%	5.00%	0.10%	50,186	
25	VHM	4.70%	4.60%	0.20%	126,787	
26	VIC	8.50%	8.20%	0.30%	186,571	
27	VJC	4.00%	4.00%	0.00%	-8,794	
28	VNM	9.80%	9.40%	0.40%	233,632	
29	VPB	6.10%	6.10%	0.00%	98,179	
30	VRE	1.80%	1.70%	0.00%	117,918	
	EIB	0.00%	2.30%	-2.30%	-9,149,092	Loại bỏ
	ROS	0.00%	0.20%	-0.20%	-4,969,303	Loại bỏ
	SAB	0.00%	1.80%	-1.80%	-617,583	Loại bỏ

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký